

Bản án số: 260/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

*V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
chung và chia tài sản chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Bình**

2. Ông **Võ Văn Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa:* Bà **Trần Hương Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh
Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2022/TLST–HNGĐ ngày
05 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn, nuôi con chung và chia tài
sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2022/QĐXXST-HNGĐ
ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Lý Mai T**, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Hoàng Q**, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Bùi Thị T2**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà **Lý Ngọc G**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang

(Chị T, anh Q, bà T2, bà G có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Lý Mai T trình bày:*

- Chị và anh Trần Hoàng Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2020, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống đến khoảng tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 8/2021 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Trần Bảo T3, sinh ngày 20/02/2021, hiện con chung do anh Q nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Khi cưới được gia đình bên anh Q cho số nữ trang gồm:

+ 01 đôi bông hột xoàn trọng lượng 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng không rõ trọng lượng vàng trắng làm vỏ bọc (Bà G khai bán được số tiền 20.000.000 đồng);

+ 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 06 chỉ vàng 24k (Bà G khai bán được số tiền 24.000.000 đồng);

+ 01 sợi dây chuyền vàng 18k, không rõ trọng lượng;

+ 01 vòng đeo tay vàng 18k, không rõ trọng lượng (Chị T khai đã bán được số tiền 19.000.000 đồng);

+ 01 nhẫn vàng 18k, không rõ trọng lượng;

+ 02 nhẫn cưới vàng 18k, không rõ trọng lượng (Hiện anh Q giữ 01 chiếc);

Số nữ trang trên sau khi đám cưới chị gửi mẹ chồng tên Bùi Thị T2 giữ, nên chị không đồng ý theo yêu cầu phản tố chia số nữ trang theo yêu cầu của anh Q.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo Bản tự khai, Đơn phản tố đề cùng ngày 26/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Hoàng Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng ý kiến dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, chị T thiếu chung T2 và anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 con chung như lời chị T khai là đúng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản là số nữ trang do cha mẹ anh cho trong ngày cưới gồm:

+ 01 đôi bông hột xoàn trọng lượng 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng giá trị là 42.000.000 đồng;

+ 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 06 chỉ vàng 24k, giá 5.400.000 đồng/chỉ thành tiền là 32.400.000 đồng;

+ 01 vòng đeo tay, trọng lượng 06 chỉ vàng 18k, giá 3.100.000 đồng/chỉ thành tiền là 18.600.000 đồng;

+ 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 05 chỉ vàng 18k, giá 3.100.000 đồng/chỉ thành tiền là 15.500.000 đồng;

+ 01 nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18k, giá 3.100.000 đồng;

+ 02 nhẫn cưới trọng lượng 1,5 chỉ vàng 18k (Hiện anh giữ 01 chiếc);

Tổng giá trị số nữ trang trên có giá thành tiền là 111.600.000 đồng (Không tính 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18k), hiện do chị T giữ sau khi cưới đến nay.

Anh yêu cầu chị T chia lại $\frac{1}{2}$ giá trị số nữ trang trên cho anh thành tiền là 55.800.000 đồng.

** Theo Bản tự khai đề ngày 05/5/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T2 trình bày:*

Bà là mẹ của Trần Hoàng Q. Khi đám hỏi và đám cưới bà có cho vợ chồng Q và T số nữ trang và trọng lượng như lời khai của Q là đúng. Số nữ trang trên do T giữ, bà không có giữ số nữ trang trên như lời T khai.

** Theo Biên bản ghi lời khai đề ngày 25/7/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lý Ngọc G trình bày:*

Bà là mẹ của Lê Lý Mai T. Sau đám cưới của T và Q, bà có đến nhà bà T2 để nói chuyện bà T2 trả lại tiền học của T cho bà. Bà T2 không đưa tiền mà có đưa cho bà 01 đôi bông hột xoàn 3,6 ly và 01 sợi dây chuyền trọng lượng 06 chỉ vàng 24k, kêu bà đi bán lấy tiền trả tiền học cho T. Cùng ngày, bà đem bán ở tiệm vàng Kim Loan Phụng ở thị trấn Cái Bè, đôi bông hột xoàn bà bán được số tiền là 20.000.000 đồng, sợi dây chuyền bà bán được số tiền 24.000.000 đồng. Số tiền trên bà lấy trả tiền học cho T.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Q đã trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, anh Q cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn với anh Q.

+ Về con chung: Tuy con chung của chị T và anh Q là cháu Trần Bảo T3 dưới 36 tháng tuổi nhưng lại sống với gia đình anh Q từ nhỏ và vẫn được nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Chị T thì đang đi học tại thành phố Hồ Chí Minh nên việc nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T3 cũng bị hạn chế nên nhận thấy cần giao cháu T3 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh Q xác định có số tài sản chung là vàng cưới gồm:

++ 01 chiếc vòng đeo tay vàng 18k chị T xác định đã bán sau khi cưới để lấy tiền đi học có sự đồng ý của anh Q nên xem như không còn.

++ 01 cặp nhẫn cưới vàng 18k mỗi người đang giữ một chiếc nên xem như chia xong.

++ Các tài sản còn lại gồm 01 đôi bông hột xoàn 3,6 ly, 01 sợi dây chuyền 24k 06 chỉ, 01 sợi dây chuyền 18k 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 18k 01 chỉ, chị T

khai không có giữ số vàng này mà mẹ chồng chị là bà T2 giữ nhưng bà T2 không thừa nhận. Ngoài ra, theo nội dung đoạn ghi âm (Chị T xác nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của chị) thì chị T cũng xác định chị đang giữ toàn bộ số vàng cưới nên việc chị T cho rằng bà T2 giữ vàng là không có căn cứ. Việc bà G mẹ chị T đem bán sợi dây chuyền 24k và đôi bông hột xoàn 3,6 ly thì anh Q không biết, và sau khi bán vàng bà G cũng không có đưa tiền lại cho anh Q và chị T, cũng không có chứng cứ chứng minh việc trả nợ tiền học cho chị T nên nhận thấy cần buộc chị T chia đôi giá trị số vàng này cho anh Q một nửa là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T ly hôn với anh Q. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Q, giao cháu Trần Bảo T3 cho anh Q nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng, chia cho anh Q 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18k anh Q đang giữ và buộc chị T chia cho anh Q một nửa giá trị số vàng cưới còn lại gồm 01 đôi bông hột xoàn 3,6 ly, 01 sợi dây chuyền 24k 06 chỉ, 01 sợi dây chuyền 18k 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 18k 01 chỉ mà chị T đang giữ.

+ Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con của chị và anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Q và yêu cầu nuôi con chung của chị và anh Q, đồng thời anh Q có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Lê Lý Mai T và anh Trần Hoàng Q xác lập quan hệ vợ chồng vào tháng 6/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, theo Trích lục kết hôn số 204/TLKH-BS ngày 11/3/2022. Sau khi cưới, vợ chồng sống đến khoảng tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 8/2021 thì tự cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau. Tại phiên tòa, anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị T. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn

gắn đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn anh Q.

[2.2]. *Về con chung*: Anh, chị có 01 con chung tên Trần Bảo T3, sinh ngày 20/02/2021. Khi ly hôn, chị T và anh Q đều có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung của anh chị mặc dù hiện còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nhưng sau khi sinh con chị T đi học giao con cho phía anh Q nuôi dưỡng đến nay. Hơn nữa, trong thời gian anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay, chị T cũng không có đến thăm con và hiện nay chị đang học tại thành phố Hồ Chí Minh nên việc nuôi con cũng sẽ khó khăn. Đồng thời, con do anh Q nuôi dưỡng từ trước đến nay con vẫn phát triển bình thường và ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của con chung mà tiếp tục giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và không chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung*:

- Chị T và anh Q khai thống nhất có số nữ trang do cha mẹ chồng cho trong ngày cưới gồm:

- + 01 đôi bông hột xoàn trọng lượng 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng;
- + 01 sợi dây chuyền vàng 24k;
- + 01 vòng đeo tay trọng lượng 06 chỉ vàng 18k;
- + 01 sợi dây chuyền vàng 18k;
- + 01 nhẫn vàng 18k;

+ 02 nhẫn cưới trọng lượng 1,5 chỉ vàng 18k. Hiện anh chị mỗi người giữ 01 chiếc trọng lượng 0,75 chỉ vàng 18k. Tại phiên tòa, anh chị thống nhất ai giữ tiếp tục chia cho người đó là tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Tuy nhiên, số nữ trang trên chị T khai chị đã bán vòng đeo tay, trọng lượng 06 chỉ vàng 18k được số tiền 19.000.000 đồng. Xét thấy, khi chị T bán chiếc vòng lúc anh chị còn sống chung và tại phiên tòa anh Q khai trước đây có nghe chị T nói bán vàng và anh không có ý kiến gì, xem như anh đã đồng ý cho chị T bán và xác định vòng đeo tay trọng lượng 06 chỉ vàng 18k không còn.

- Số nữ trang còn lại gồm: 01 đôi bông hột xoàn trọng lượng 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng, 01 sợi dây chuyền vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k thì chị không rõ trọng lượng và chị đã gửi cho mẹ chồng tên Bùi Thị T2 giữ sau khi đám cưới đến nay và sau đó mẹ chồng đã cho mẹ ruột chị tên Lý Ngọc G mượn 01 đôi bông hột xoàn trọng lượng 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng và 01 sợi dây chuyền vàng 24k. Mặc dù bà G thừa nhận có nhận đôi bông và sợi dây chuyền vàng 24k như lời chị T khai và bà đã bán lấy tiền trả nợ tiền học cho chị T, nhưng bà T2 không thừa nhận có giữ và có đưa đôi bông và sợi dây chuyền vàng 24k cho bà G như lời chị T và bà G khai. Đồng thời, chị T không có chứng cứ chứng minh việc gửi vàng cho bà T2 và bà G cũng không có chứng cứ chứng minh bà T2 có đưa đôi bông và sợi dây chuyền vàng 24k như bà khai. Hơn nữa, anh Q có cung cấp chứng cứ là USB có nội dung đoạn ghi âm chị T nói chuyện với người bạn chị đang

giữ toàn bộ số nữ trang cưới và qua đôi chất chị T xác nhận giọng nói trong đoạn ghi âm của USB mà anh Q cung cấp đúng là giọng nói của chị.

Do vậy, không chấp nhận lời khai của chị T và xác định số nữ trang gồm 01 đôi bông hạt xoàn size 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng, 01 sợi dây chuyền vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k là do chị T giữ.

- Tuy nhiên, theo lời chị T khai không rõ trọng lượng vỏ bọc là vàng trắng của đôi bông hạt xoàn trọng lượng 3,6 ly; 01 sợi dây chuyền vàng 24k; 01 sợi dây chuyền vàng 18k và 01 nhẫn vàng 18k. Xét thấy, số nữ trang trên do bên anh Q mua tặng cho. Mặc dù anh Q không có giấy lúc mua, nhưng qua lời chị T khai đã bán chiếc vòng đeo tay số tiền 19.000.000 đồng cũng tương đương phù hợp với trọng lượng và số tiền anh Q đã khai.

Do đó, xác định số nữ trang chị T đang giữ có trọng lượng như lời anh Q khai gồm 01 sợi dây chuyền 06 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn 01 chỉ vàng 18k.

- Căn cứ vào Công văn số 20220630/CV-NTJ ngày 30/6/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn vàng bạc đá quý NT xác định giá vàng tại thời điểm hiện tại: Vàng 24k có giá 5.410.000 đồng/chỉ, vàng 18k có giá 4.304.000 đồng/chỉ. Tuy nhiên, theo bảng kê ngày 06/5/2022 anh Q yêu cầu chia cho anh theo giá vàng 24k giá 5.400.000 đồng/chỉ, vàng 18k giá 3.100.000 đồng/chỉ là có lợi cho chị T, nên xác định số nữ trang chị T giữ có giá thành tiền như sau:

+ 01 đôi bông hạt xoàn size 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng;

+ 01 sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 06 chỉ x 5.400.000 đồng/chỉ thành tiền là 32.400.000 đồng;

+ 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 05 chỉ x 3.100.000 đồng/chỉ thành tiền là 15.500.000 đồng;

+ 01 nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18k x 3.100.000 đồng/chỉ thành tiền là 3.100.000 đồng.

Riêng về đôi bông hạt xoàn, anh Q khai lúc mua 02 hạt xoàn có giá 24.000.000 đồng, vỏ bọc là vàng trắng giá 18.000.000 đồng. Mặc dù anh Q không có giấy lúc mua chứng minh, căn cứ vào Công văn số 20220630/CV-NTJ ngày 30/6/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn vàng bạc đá quý NT xác định giá hạt xoàn size 3,6 ly có giá giao động từ 9.874.000 đồng đến 24.130.000 đồng; về vỏ của đôi bông bằng vàng trắng tối thiểu để làm đôi bông có giá khoảng 4.000.000 đồng. Nếu lấy mức giá tối thiểu hạt xoàn size 3,6 ly có giá 9.874.000 đồng và vỏ bằng vàng trắng 4.000.000 đồng. Như vậy, đôi bông chỉ có giá 13.874.000 đồng thì sẽ không phù hợp với thực tế vì đôi bông hạt xoàn trên bà G khai bà đã bán được số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra cũng không có căn cứ để xác định giá khác, đôi bông do phía anh Q mua nên xác định giá đôi bông hạt xoàn theo giá anh Q kê tổng cộng đôi bông hạt xoàn size 3,6 ly cả vỏ làm bằng vàng trắng có giá 42.000.000 đồng.

Vậy tổng cộng số nữ trang chị T giữ có giá trị thành tiền là 93.000.000 đồng.

- Do hai bên không có tranh chấp tài sản riêng, nên xác định số nữ trang cưới trên là tài sản chung của chị T, anh Q. Do anh chị không tự phân chia nên được chia theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Số nữ trang trên anh chị được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới, anh chị không có công sức đóng góp trong việc

tạo lập. Tuy nhiên, do số nữ trang trên không thể chia đôi bằng hiện vật, do chị T đang giữ, nên giao hết số nữ trang trên cho chị T được quyền sở hữu và buộc chị T chia cho anh Q $\frac{1}{2}$ giá trị thành tiền là phù hợp.

Xét yêu cầu phân tố của anh Q chỉ có một phần cơ sở, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của anh Q, buộc chị T chia cho anh Q $\frac{1}{2}$ giá trị số tiền là 46.500.000 đồng.

- Ngoài ra, theo lời bà G khai bà có nhận đôi bông hột xoàn size 3,6 ly và 01 sợi dây chuyền trọng lượng 06 chỉ vàng 24k do bà T2 đưa bà bán để trừ tiền học phí cho chị T, nhưng bà T2 không thừa nhận và bà cũng không có chứng cứ chứng minh, nên không chấp nhận lời khai này của bà G. Riêng việc bà khai có nhận đôi bông và sợi dây chuyền, các bên không ai tranh chấp gì về việc này, do Hội đồng xét xử xác định đôi bông và sợi dây chuyền trên do chị T giữ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp chị T có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bà G và được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. **Về án phí**: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T, anh Q phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Lý Mai T;

- Cho chị Lê Lý Mai T được ly hôn anh Trần Hoàng Q.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Trần Hoàng Q;

- Giao con chung tên Trần Bảo T3, sinh ngày 20/02/2021 cho anh Trần Hoàng Q tiếp tục nuôi dưỡng.

- Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Lê Lý Mai T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do anh Q không yêu cầu.

- Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của anh Trần Hoàng Q.

- Chia cho chị Lê Lý Mai T được quyền sở hữu số nữ trang mà hiện chị đang giữ gồm: 01 đôi bông hột xoàn size 3,6 ly và vỏ bọc là vàng trắng, 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 06 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 05 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn trọng lượng 01 chỉ vàng 18k, 01 nhẫn cưới trọng lượng 0,75 chỉ vàng 18k.

- Chia cho anh Q 01 nhẫn cưới trọng lượng 0,75 chỉ vàng 18k (Hiện anh đang giữ).

- Buộc chị Lê Lý Mai T chia cho anh Trần Hoàng Q số tiền là 46.500.000 đồng.

Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 2.325.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng tiền án phí chị T phải chịu là 2.625.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0009530 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên chị T phải nộp tiếp tiền án phí là 2.325.000 đồng.

- Anh Q chịu 2.325.000 đồng án phí chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0009676 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên anh Q phải nộp tiếp tiền án phí là 950.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Q thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Đông Hòa Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn